

Số : 435 /NVC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO.

- Mã chứng khoán: VET
- Địa chỉ: 15 Trần Cao Vân, Phường Sài Gòn, TP. HCM
- Điện thoại: (028) 38225063
- Email: info@navetco.com.vn
- Website: https://navetco.com.vn
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà Vũ Thị Hoài Thu


2. Nội dung công bố thông tin:

CBTT Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2025 và công văn số: 433/NVC ngày 13/8/2025 v/v giải trình biến động doanh thu và lợi nhuận sau thuế TNDN

3. Loại thông tin công bố: ☐ 24h, ☒ định kỳ, ☐ bất thường, ☐ Theo Y/c.

4. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/8/2025 tại đường dẫn <https://navetco.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ KIM LAN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y
TRUNG ƯƠNG NAVETCO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 434 /NVC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025

V/v Công bố thông tin Báo cáo tài chính
(BCTC) soát xét 6 tháng đầu năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi - Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Thực hiện quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán, Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương Navetco (MCK: VET) thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) soát xét 6 tháng đầu năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO.

- Mã chứng khoán: VET
- Địa chỉ: 15 Trần Cao Vân, Phường Sài Gòn, TP. HCM
- Điện thoại: (028) 38225063
- Email: info@navetco.com.vn
- Website: https://navetco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2025.
 - ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc;
 - ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có Công ty con)
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2025):
 - ☐ Có ☒ Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - ☐ Có ☒ Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2025):
 - ☒ Có ☐ Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - ☒ Có ☐ Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/8/2025 tại đường dẫn <https://navetco.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *ml*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC

Người đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ KIM LAN



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y
TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025**



MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 3 - 4 |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 5 - 6 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ | 7 - 8 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ | 9 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ | 10 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 11 - 28 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho 6 tháng đầu năm 2025 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Thuốc Thú Y Trung Ương theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300600417 ngày 05/11/2013 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 ngày 08/7/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề chính của Công ty: Sản xuất vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật thú y, thú y thủy sản, hóa chất dùng trong thú y và thú y thủy sản; Sản xuất chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính là:

Hội đồng Quản trị

| | |
|------------------------|--------------|
| Ông Trần Tuấn Khanh | Chủ tịch |
| Bà Nguyễn Thị Kim Lan | Phó chủ tịch |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa | Thành viên |
| Ông Nguyễn Hiếu Liêm | Thành viên |
| Ông Nguyễn Hữu Huân | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | | |
|-----------------------|-------------------|----------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Kim Lan | Tổng Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Quang Huy | Phó Tổng Giám đốc | (bổ nhiệm ngày 15/01/2025) |
| Ông Trần Thiện Phúc | Phó Tổng Giám đốc | (bổ nhiệm ngày 15/01/2025) |
| Bà Đỗ Thị Hải Thanh | Kế toán trưởng | |

Ban Kiểm soát

| | |
|-----------------------|------------|
| Ông Đinh Tiến Cường | Trưởng ban |
| Bà Lê Trần Thanh Trâm | Thành viên |
| Bà Lại Thị Minh Hiền | Thành viên |

Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THỦ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



NGUYỄN THỊ KIM LAN

Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2025



Số: ~~686~~ /BCSX/TC/2025/AASCS**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco, được lập ngày 13 tháng 8 năm 2025, từ trang 7 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco tại ngày 30/6/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2025

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán

và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC

Giấy CNDKHNKT số 1091-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/6/2025

Mẫu B01a - DN

Đơn vị tính: đồng

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2025 | 01/01/2025 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. Tài sản ngắn hạn | 100 | | 503.697.508.853 | 509.556.476.776 |
| <i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i> | 110 | V.01 | 3.899.794.234 | 6.060.373.607 |
| 1. Tiền | 111 | | 3.899.794.234 | 6.060.373.607 |
| <i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i> | 120 | | - | - |
| <i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i> | 130 | | 73.688.773.367 | 87.991.618.142 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.02 | 53.531.246.772 | 72.244.645.912 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.03 | 4.756.992.634 | 3.858.123.828 |
| 3. Phải thu khác ngắn hạn | 136 | V.04a | 15.400.533.961 | 11.888.848.402 |
| <i>IV. Hàng tồn kho</i> | 140 | V.05 | 423.230.228.004 | 413.974.671.010 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 423.230.228.004 | 413.974.671.010 |
| <i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i> | 150 | | 2.878.713.248 | 1.529.814.017 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.10a | 960.000.000 | 29.630.936 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | V.12b | 418.550.167 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.12b | 1.500.163.081 | 1.500.163.081 |
| B. Tài sản dài hạn | 200 | | 303.963.935.932 | 322.414.338.775 |
| <i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i> | 210 | | 2.656.187.232 | 2.656.187.232 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.04b | 2.656.187.232 | 2.656.187.232 |
| <i>II. Tài sản cố định</i> | 220 | | 65.052.980.358 | 80.508.316.019 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.06 | 65.052.980.358 | 80.508.316.019 |
| - Nguyên giá | 222 | | 543.266.668.037 | 551.112.041.470 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (478.213.687.679) | (470.603.725.451) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.07 | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 222.818.390 | 222.818.390 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (222.818.390) | (222.818.390) |
| <i>III. Bất động sản đầu tư</i> | 230 | | - | - |
| <i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i> | 240 | | 22.296.652.641 | 22.296.652.641 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.08 | 22.296.652.641 | 22.296.652.641 |
| <i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i> | 250 | V.09 | 201.500.000.000 | 201.500.000.000 |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 201.500.000.000 | 201.500.000.000 |
| <i>VI. Tài sản dài hạn khác</i> | 260 | | 12.458.115.701 | 15.453.182.883 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.10b | 12.458.115.701 | 15.453.182.883 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 807.661.444.785 | 831.970.815.551 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/6/2025

Mẫu B01a - DN

Đơn vị tính: đồng

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2025 | 01/01/2025 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C. Nợ phải trả | 300 | | 497.972.121.587 | 531.629.863.673 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 296.472.121.587 | 330.129.863.673 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 61.965.886.520 | 74.564.673.747 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 1.842.617.786 | 2.054.191.690 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12a | 4.399.388.771 | 6.446.654.153 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 2.338.318.160 | 2.695.747.000 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 246.835.342 | 252.350.963 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.13 | 149.199.188.116 | 170.045.806.221 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.15a | 84.614.270.578 | 80.062.393.585 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.14 | (8.134.383.686) | (5.991.953.686) |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 201.500.000.000 | 201.500.000.000 |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.15b | 201.500.000.000 | 201.500.000.000 |
| D. Vốn chủ sở hữu | 400 | V.16 | 309.689.323.198 | 300.340.951.878 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 287.765.774.499 | 278.417.403.179 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 160.000.000.000 | 160.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 160.000.000.000 | 160.000.000.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 142.496.425.922 | 142.496.425.922 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (14.730.651.423) | (24.079.022.743) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (24.079.022.743) | 15.517.340.843 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 9.348.371.320 | (39.596.363.586) |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | V.17 | 21.923.548.699 | 21.923.548.699 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | 21.923.548.699 | 21.923.548.699 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 807.661.444.785 | 831.970.815.551 |

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Lê Thái Bình

Người lập biểu

Ngày 13 tháng 8 năm 2025



Đỗ Thị Hải Thanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Lan

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

MẪU B02a - DN

Đơn vị tính: đồng

| TT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2024 |
|-----|--|-------|-------------|----------------------|----------------------|
| 1. | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.01 | 146.550.000.997 | 153.290.109.607 |
| 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. | Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ | 10 | | 146.550.000.997 | 153.290.109.607 |
| 4. | Giá vốn hàng bán | 11 | VI.02 | 83.278.191.436 | 83.063.884.587 |
| 5. | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 63.271.809.561 | 70.226.225.020 |
| 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.03 | 4.738.468 | 82.622.027 |
| 7. | Chi phí tài chính | 22 | VI.04 | 7.579.718.581 | 4.613.622.809 |
| | - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 3.546.414.656 | 1.620.000.826 |
| 8. | Chi phí bán hàng | 25 | VI.05 | 23.622.874.245 | 30.862.163.608 |
| 9. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.06 | 28.513.223.665 | 26.817.289.635 |
| 10. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 3.560.731.538 | 8.015.770.995 |
| 11. | Thu nhập khác | 31 | VI.07 | 9.349.624.497 | 1.906.979.819 |
| 12. | Chi phí khác | 32 | VI.08 | 3.561.984.715 | 2.143.446.841 |
| 13. | Lợi nhuận/(lỗ) khác | 40 | | 5.787.639.782 | (236.467.022) |
| 14. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 9.348.371.320 | 7.779.303.973 |
| 15. | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.09 | - | 1.555.860.795 |
| 16. | Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 9.348.371.320 | 6.223.443.178 |
| 18. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | 584 | 284 |
| 19. | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | | 584 | 284 |

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Lê Thái Bình
Người lập biểu
Ngày 13 tháng 8 năm 2025



Đỗ Thị Hải Thanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Lan
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

MẪU B03a - DN

Đơn vị tính: đồng

| CHỈ TIÊU | Mã số | 6 tháng đầu năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2024 |
|---|-------|----------------------|----------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 9.348.371.320 | 7.779.303.973 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 15.256.093.238 | 17.305.777.635 |
| (Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 1.345.185.666 | 1.259.046.015 |
| (Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (3.564.867.590) | (3.499.631) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 3.546.414.656 | 1.620.000.826 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 25.931.197.290 | 27.960.628.818 |
| (Tăng) giảm các khoản phải thu | 09 | 13.897.880.103 | (12.826.739.849) |
| (Tăng) giảm hàng tồn kho | 10 | (9.255.556.994) | (37.202.914.465) |
| Tăng (giảm) các khoản phải trả | 11 | (37.487.858.193) | 25.881.402.108 |
| (Tăng) giảm chi phí trả trước | 12 | 2.064.718.118 | (711.249.651) |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (3.551.930.277) | (1.620.000.826) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | - | (3.610.327.639) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (2.142.430.000) | (2.123.130.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (10.543.979.953) | (4.252.331.504) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, tài sản dài hạn khác | 21 | - | (340.525.618) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tài sản dài hạn khác | 22 | 3.760.454.545 | - |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 3.655.468 | 3.499.631 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 3.764.110.013 | (337.025.987) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 90.131.158.171 | 55.341.060.418 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (85.579.281.178) | (53.651.322.094) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 4.551.876.993 | 1.689.738.324 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (2.227.992.947) | (2.899.619.167) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 6.060.373.607 | 16.219.102.930 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 67.413.574 | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 3.899.794.234 | 13.319.483.763 |

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Lê Thái Bình
Người lập biểu
Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Đỗ Thị Hải Thanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Lan
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Thuốc Thú Y Trung Ương theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300600417 ngày 05/11/2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 08/7/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là VET kể từ ngày 18/5/2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 100/2017/GCNCP-VSD ngày 17/5/2017 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 15, Trần Cao Vân, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các Chi nhánh và kho hàng hoạt động như sau:

- Chi nhánh Hà Nội tại địa chỉ số 164 Phương Liệt, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, mã số doanh nghiệp: 0300600417-001;
- Chi nhánh Bình Dương tại Lô 205 đường số 6 Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, mã số doanh nghiệp: 0300600417-003;
- Chi nhánh miền Tây tại địa chỉ số 16 Nguyễn Văn Lưu, Khu vực 2, Phường Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, mã số doanh nghiệp: 0300600417-004.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại – Sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh đăng ký

- Sản xuất vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật thú y, thú y thủy sản, hóa chất dùng trong thú y, thú y thủy sản; Sản xuất chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản (Chính);
- Bán buôn vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y và thú y thủy sản; Bán buôn chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất xử lý cải tạo môi trường trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; Bán buôn nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ cho nghiên cứu, sản xuất, kiểm nghiệm vắc xin, thuốc thú y, thú y thủy sản;
- Sản xuất thức ăn thủy sản và thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Nghiên cứu khoa học về thú y, các phương pháp chuẩn đoán, phòng chống bệnh cho đàn gia súc, gia cầm;
- Dự trữ quốc gia về thuốc thú y, thú y thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động thú y. Chi tiết: Chăm sóc sức khỏe động vật và kiểm soát hoạt động của gia súc; Chăm sóc sức khỏe động vật và kiểm soát hoạt động của vật nuôi; Hoạt động của trợ giúp thú y hoặc những hỗ trợ khác cho các bác sĩ thú y; Nghiên cứu chuyên khoa, chuẩn đoán bệnh và xét nghiệm bệnh động vật;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán thuốc thú y;
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất thuốc thú y.

4. Số lượng nhân viên của Công ty: tại ngày 30/6/2025 là 271 người (Tại ngày 31/12/2024 là 285 người)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

II. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Công ty áp dụng theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán, công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| Nhóm tài sản | Thời gian khấu hao (năm) |
|---------------------------|--------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 25 |
| Máy móc thiết bị, dụng cụ | 05 – 06 |
| Phương tiện vận tải | 05 – 06 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 05 |

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước; lợi thế kinh doanh...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

10. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng theo tỷ lệ quy định.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

Phân chia lợi nhuận:

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông:

Quỹ đầu tư và phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng Quản trị của Công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

129-C
G TY
H
TƯ VÀ
KẾ T
M TOÁ
NAM
PHỐ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

15. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

18. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Căn cứ thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Mẫu B09a - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Đơn vị tính: đồng

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

| | | | | |
|--|-----------------|----------------|-----------------|----------|
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 30/6/2025 | 01/01/2025 | | |
| Tiền mặt | 81.875.098 | 20.194.148 | | |
| Tiền gửi ngân hàng | 3.817.919.136 | 6.040.179.459 | | |
| Cộng | 3.899.794.234 | 6.060.373.607 | | |
| 2. Phải thu khách hàng ngắn hạn | 30/6/2025 | 01/01/2025 | | |
| - Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% số dư phải thu khách hàng) | 53.531.246.772 | 72.244.645.912 | | |
| Cộng | 53.531.246.772 | 72.244.645.912 | | |
| 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 30/6/2025 | 01/01/2025 | | |
| - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh Nhà Tp. HCM - Xí nghiệp Xây dựng và Sửa chữa Nhà | 2.540.973.000 | 1.700.878.263 | | |
| - Công ty TNHH MTV TMDV PCCC Hùng Thuật | 683.089.954 | 683.089.954 | | |
| - Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác | 1.532.929.680 | 1.474.155.611 | | |
| Cộng | 4.756.992.634 | 3.858.123.828 | | |
| 4. Các khoản phải thu khác | 30/6/2025 | 01/01/2025 | | |
| a) Ngắn hạn | | | | |
| - Khoản thu hàng hóa cho Khách hàng mượn | 10.810.282.360 | 8.671.732.230 | | |
| - Các khoản tạm ứng cho nhân viên | 1.373.633.538 | 856.891.223 | | |
| - Ký quỹ bảo lãnh tại Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT Việt Nam | 3.057.642.461 | 2.240.547.317 | | |
| - Ký quỹ ngắn hạn khác | 150.656.000 | 100.656.000 | | |
| - Bảo hiểm xã hội, y tế nộp thừa | 2.319.602 | 13.021.632 | | |
| - Các khoản phải thu khác | 6.000.000 | 6.000.000 | | |
| Cộng | 15.400.533.961 | 11.888.848.402 | | |
| b) Dài hạn | | | | |
| - Ký quỹ dài hạn khác | 2.656.187.232 | 2.656.187.232 | | |
| Cộng | 2.656.187.232 | 2.656.187.232 | | |
| 5. Hàng tồn kho | 30/6/2025 | 01/01/2025 | | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| - Nguyên vật liệu | 66.375.918.108 | - | 74.151.781.717 | - |
| - Công cụ dụng cụ | 1.072.072.216 | - | 1.174.105.412 | - |
| - Chi phí sản xuất dở dang | 22.111.775.502 | - | 20.077.337.929 | - |
| - Thành phẩm | 197.105.516.753 | - | 189.303.733.674 | - |
| - Hàng hóa | 136.564.945.425 | - | 129.267.712.278 | - |
| Cộng | 423.230.228.004 | - | 413.974.671.010 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B09a - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Đơn vị tính: đồng

| 6. Tài sản cố định hữu hình | 01/01/2025 | Tăng | Giảm | 30/6/2025 |
|-----------------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 179.918.355.498 | - | - | 179.918.355.498 |
| Máy móc, thiết bị | 335.460.460.543 | - | 5.454.464.343 | 330.005.996.200 |
| Phương tiện vận tải | 35.733.225.429 | - | 2.390.909.090 | 33.342.316.339 |
| Cộng | 551.112.041.470 | - | 7.845.373.433 | 543.266.668.037 |
| Khấu hao lũy kế | | | | |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 129.611.178.801 | 6.585.817.008 | - | 136.196.995.809 |
| Máy móc, thiết bị | 305.934.617.977 | 8.236.859.218 | 5.454.464.343 | 308.717.012.852 |
| Phương tiện vận tải | 35.057.928.673 | 433.417.012 | 2.191.666.667 | 33.299.679.018 |
| Cộng | 470.603.725.451 | 15.256.093.238 | 7.646.131.010 | 478.213.687.679 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 50.307.176.697 | | | 43.721.359.689 |
| Máy móc, thiết bị | 29.525.842.566 | | | 21.288.983.348 |
| Phương tiện vận tải | 675.296.756 | | | 42.637.321 |
| Cộng | 80.508.316.019 | | | 65.052.980.358 |

Tài sản cố định hữu hình giảm trong kỳ do thanh lý, nhượng bán.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết, vẫn còn sử dụng là 274.048.931.940 đồng.

| 7. Tài sản cố định vô hình | 01/01/2025 | Tăng | Giảm | 30/6/2025 |
|----------------------------|--------------------|----------|----------|--------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Phần mềm | 222.818.390 | - | - | 222.818.390 |
| Cộng | 222.818.390 | - | - | 222.818.390 |
| Khấu hao lũy kế | | | | |
| Phần mềm | 222.818.390 | - | - | 222.818.390 |
| Cộng | 222.818.390 | - | - | 222.818.390 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Phần mềm | - | | | - |
| Cộng | - | | | - |

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 222.818.390 đồng.

| 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 30/6/2025 | 01/01/2025 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí xây dựng nhà công cường độc tại Củ Chi | 89.543.518 | 89.543.518 |
| Chi phí xây dựng Kho bảo quản thuốc thú y dự trữ quốc gia | 22.207.109.123 | 22.207.109.123 |
| Cộng | 22.296.652.641 | 22.296.652.641 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B09a - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Đơn vị tính: đồng

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

| | 30/6/2025 | | 01/01/2025 | |
|----------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| <i>Đầu tư dài hạn khác</i> | | | | |
| Bảo Trí Invest | 82.680.000.000 | - | 82.680.000.000 | - |
| NDC An Khang | 118.820.000.000 | - | 118.820.000.000 | - |
| Cộng | 201.500.000.000 | - | 201.500.000.000 | - |

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và các khoản đầu tư dài hạn tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Khoản đầu tư vào **Công ty Cổ phần Bảo Trí Invest** theo hợp đồng góp vốn ngày 20/12/2018. Công ty Cổ phần Bảo Trí Invest được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 0315356391 ngày 14/01/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng vốn điều lệ của Công ty CP Bảo Trí Invest là 2.326.110.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco đã góp vốn với số tiền 82.680.000.000 đồng, tương ứng 8.268.000 cổ phần ưu đãi hoàn lại loại A, chiếm 3,55% vốn điều lệ của Công ty CP Bảo Trí Invest.

Khoản đầu tư vào **Công ty Cổ phần NDC An Khang** theo hợp đồng góp vốn ngày 17/4/2018. Công ty Cổ phần NDC An Khang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 0314776107 ngày 07/3/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng vốn điều lệ của Công ty CP NDC An Khang là 2.861.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco đã góp vốn với số tiền 118.820.000.000 đồng, tương ứng 11.882.000 cổ phần ưu đãi hoàn lại loại A, chiếm 5,7% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần NDC An Khang.

10. Chi phí trả trước**30/6/2025****01/01/2025****a) Ngắn hạn**

| | | |
|---|--------------------|-------------------|
| - Chi phí thuê trả trước chờ phân bổ | 960.000.000 | - |
| - Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển | - | 29.650.936 |
| Cộng | 960.000.000 | 29.650.936 |

b) Dài hạn

| | | | |
|--|--------|-----------------------|-----------------------|
| - Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp VSIP | (10.1) | 3.452.325.983 | 3.544.101.617 |
| - Chi phí sửa chữa văn phòng | | 5.844.136.595 | 7.279.194.683 |
| - Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển | | 3.161.653.123 | 4.629.886.583 |
| Cộng | | 12.458.115.701 | 15.453.182.883 |

(10.1) Trả trước tiền thuê đất theo hợp đồng thuê đất ngày 28/5/2008, diện tích thuê 12.900 m² đất tại lô số 205 Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh; thời hạn thuê đất đến ngày 18/7/2048. Tổng giá trị tiền thuê đã thanh toán là 7.525.602.000 đồng, thời gian phân bổ tiền thuê là 40 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B09a - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Đơn vị tính: đồng

| 11. Phải trả người bán ngắn hạn | 30/6/2025 | | 01/01/2025 | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Khả năng trả nợ | Giá trị | Khả năng trả nợ |
| - Boehringer Ingelheim Animal Health France | 37.060.447.749 | 37.060.447.749 | 44.772.008.035 | 44.772.008.035 |
| - Các nhà cung cấp khác | 24.905.438.771 | 24.905.438.771 | 29.792.665.712 | 29.792.665.712 |
| Cộng | 61.965.886.520 | 61.965.886.520 | 74.564.673.747 | 74.564.673.747 |

12. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu từ Nhà Nước

| a) Phải nộp | 01/01/2025 | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | 30/6/2025 |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|-------------------------|----------------------|
| | | | | |
| - Thuế GTGT phải nộp | 1.817.290.098 | 1.712.347.627 | 3.529.637.725 | - |
| - Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 1.798.015.099 | 1.798.015.099 | - |
| - Thuế nhập khẩu | - | 83.499.520 | 83.499.520 | - |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 4.480.401.650 | 1.070.382.861 | 1.241.977.330 | 4.308.807.181 |
| - Thuế môn bài | - | 5.000.000 | 5.000.000 | - |
| - Thuế khác | 148.962.405 | 142.757.003 | 201.137.818 | 90.581.590 |
| Cộng | 6.446.654.153 | 4.812.002.110 | 6.859.267.492 | 4.399.388.771 |
| | | | | |
| b) Phải thu | | | | |
| | | | | |
| - Thuế GTGT còn được khấu trừ | - | - | 418.550.167 | 418.550.167 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp dư | 1.500.163.081 | - | - | 1.500.163.081 |
| Cộng | 1.500.163.081 | - | 418.550.167 | 1.918.713.248 |

| 13. Phải trả ngắn hạn khác | 30/6/2025 | 01/01/2025 |
|--|------------------------|------------------------|
| | | |
| - Kinh phí công đoàn | 2.690.645.436 | 2.264.399.636 |
| - Giá trị hàng hóa mượn của khách hàng | 93.854.232.852 | 115.018.425.007 |
| - Cổ tức còn phải trả | 24.000.000.000 | 24.000.000.000 |
| - Phải trả cho Boehringer Ingelheim Animal Health France (*) | 25.680.382.469 | 25.680.382.469 |
| - Phải trả ký quỹ ngắn hạn | 2.913.305.000 | 2.913.305.000 |
| - Các khoản phải trả khác | 60.622.359 | 169.294.109 |
| Cộng | 149.199.188.116 | 170.045.806.221 |

(*) Chi phí marketing nhận được từ Boehringer Ingelheim Animal Health France để duy trì và phát triển nhãn hiệu các vắc-xin của Boehringer theo Thỏa thuận cung cấp, bản quyền và phân phối ngày 26/9/2018.

| 14. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 6 tháng đầu năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2024 |
|--|------------------------|----------------------|
| | | |
| Số dư đầu năm | (5.991.953.686) | 53.250.141 |
| Tăng do trích quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | - | 417.596.173 |
| Tăng do tạm trích quỹ kỳ này | - | 1.680.329.658 |
| Giảm do chi quỹ trong kỳ | (2.142.430.000) | (2.123.130.000) |
| Số dư cuối kỳ | (8.134.383.686) | 28.045.972 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B09a - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Đơn vị tính: đồng

| 15. Vay và nợ thuê tài chính | 01/01/2025 | Trong kỳ | | 30/6/2025 |
|----------------------------------|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------------|
| | Giá trị/Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị/Số có khả năng trả nợ |
| a. Vay ngắn hạn | 80.062.393.585 | 90.131.158.171 | 85.579.281.178 | 84.614.270.578 |
| - Ngân hàng NN & PTNT VN (15.1) | 54.927.393.585 | 88.201.158.171 | 83.819.281.178 | 59.309.270.578 |
| - Vay cá nhân (15.2) | 25.135.000.000 | 1.930.000.000 | 1.760.000.000 | 25.305.000.000 |
| b. Vay dài hạn | 201.500.000.000 | - | - | 201.500.000.000 |
| - Công ty CP ĐTPT Hoa Lâm (15.3) | 201.500.000.000 | - | - | 201.500.000.000 |
| Cộng | 281.562.393.585 | 90.131.158.171 | 85.579.281.178 | 286.114.270.578 |

(15.1) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-202400353 ngày 24/07/2024 với tổng hạn mức vay là 80 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 19/07/2025, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 06 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh thuốc thú y và các mặt hàng kinh doanh khác. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thửa đất số 3, tờ bản đồ số DC19, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1700-LCL-202200366 ngày 31/10/2022. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2025 là 59.309.270.578 đồng.

(15.2) Khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân theo các Hợp đồng vay cụ thể, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất vay là 7%/năm và không có tài sản đảm bảo.

(15.3) Vay dài hạn từ Công ty CP Đầu tư Phát triển Hoa Lâm theo Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV-HL/2011 ngày 08/4/2011 và phụ lục số 01 ngày 28/3/2015 với mục đích đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Thương mại An Khang để đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh dự án Khu trung tâm thương mại và căn hộ tại số 29 Nguyễn Đình Chiểu, phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh với số tiền vay là 201,5 tỷ. Nợ gốc từng kỳ được hoàn trả khi bên vay nhận được cổ tức từ Công ty CP Đầu tư và Thương mại An Khang cho đến khi hết nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 8.268.000 cổ phiếu của Công ty CP Bảo Trí Invest và 11.882.000 cổ phiếu của Công ty CP NDC An Khang mà bên vay nắm giữ hoặc sở hữu.

16. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | 01/01/2024 | Tăng | Giảm | 30/6/2024 |
|--------------------------|------------------------|----------------------|----------------------|------------------------|
| - Vốn góp của chủ sở hữu | 160.000.000.000 | - | - | 160.000.000.000 |
| - Quỹ Đầu tư phát triển | 142.904.738.411 | - | 408.312.489 | 142.496.425.922 |
| - LNST chưa phân phối | 15.521.044.748 | 6.223.443.178 | 1.684.033.563 | 20.060.454.363 |
| Cộng | 318.425.783.159 | 6.223.443.178 | 2.092.346.052 | 322.556.880.285 |
| | 01/01/2025 | Tăng | Giảm | 30/6/2025 |
| - Vốn góp của chủ sở hữu | 160.000.000.000 | - | - | 160.000.000.000 |
| - Quỹ Đầu tư phát triển | 142.496.425.922 | - | - | 142.496.425.922 |
| - LNST chưa phân phối | (24.079.022.743) | 9.348.371.320 | - | (14.730.651.423) |
| Cộng | 278.417.403.179 | 9.348.371.320 | - | 287.765.774.499 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B09a - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Đơn vị tính: đồng

| b) Lợi nhuận chưa phân phối | 6 tháng đầu năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2024 |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm | (24.079.022.743) | 15.521.044.748 |
| - Lợi nhuận phát sinh trong kỳ | 9.348.371.320 | 6.223.443.178 |
| - Tạm trích quỹ Khen thưởng và phúc lợi kỳ này | - | (1.680.329.658) |
| - Hoàn nhập quỹ Đầu tư và phát triển năm trước | - | 408.312.489 |
| - Hoàn nhập do trích dư cổ tức năm trước | - | 5.579.779 |
| - Trích bổ sung quỹ Khen thưởng và phúc lợi năm trước | - | (417.596.173) |
| Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ | (14.730.651.423) | 20.060.454.363 |

| c) Cổ tức | 6 tháng đầu năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2024 |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| - Cổ tức năm trước đã công bố trong Đại hội đồng cổ đông | - | - |

Ghi chú: Cổ tức của kỳ này đã được Đại hội đồng cổ đông công bố không chia cổ tức theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 327/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/6/2025.

| | | |
|--|--|--|
| d) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 160.000.000.000 đồng tương đương 16.000.000 Cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phần. | | |
|--|--|--|

| Cổ phiếu | 30/6/2025 | 01/01/2025 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 16.000.000 | 16.000.000 |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 16.000.000 | 16.000.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 16.000.000 | 16.000.000 |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| + Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 16.000.000 | 16.000.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 16.000.000 | 16.000.000 |
| * Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: | 10.000 đồng/cp | 10.000 đồng/cp |

| 17. Nguồn kinh phí | 30/6/2025 | 01/01/2025 |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Nguồn kinh phí | (*) 21.923.548.699 | 21.923.548.699 |
| Cộng | 21.923.548.699 | 21.923.548.699 |

(*) Nguồn vốn nhận được từ Ngân sách Nhà nước cho việc thực hiện Dự án “Xây dựng Kho bảo quản thuốc thú y dự trữ quốc gia” tại số 28, Đường số 6, Khu Công nghiệp Việt Nam-Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định đầu tư số 1425/QĐ-BNN-XD ngày 25/6/2014 với tổng mức đầu tư được duyệt là 27.733.649.000 đồng. Đến ngày 30/6/2025, Kho bạc Nhà nước đã thanh toán cho Công ty với số tiền là 21.923.548.699 đồng.

| 18. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán | 30/6/2025 | 01/01/2025 |
|---|------------------|-------------------|
| - Ngoại tệ các loại: USD | 48.377,46 | 21.742,21 |
| - Ngoại tệ các loại: RUB | 100.077,50 | - |
| - Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (hàng dự trữ quốc gia) - VNĐ | 39.388.365.700 | 62.664.103.800 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B09a - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Đơn vị tính: đồng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 6 tháng đầu năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2024 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| - Doanh thu từ bán thành phẩm, hàng hóa | 146.550.000.997 | 153.290.109.607 |
| Cộng | 146.550.000.997 | 153.290.109.607 |
| Các khoản giảm trừ | - | - |
| Cộng doanh thu thuần | 146.550.000.997 | 153.290.109.607 |
| Chi tiết Doanh thu thuần từ bán hàng: | | |
| Doanh thu từ bán sản phẩm vắc-xin | 61.830.623.706 | 56.661.244.905 |
| Doanh thu từ bán sản phẩm dược | 26.998.649.421 | 23.617.197.870 |
| Doanh thu từ bán hàng kinh doanh | 57.720.727.870 | 73.011.666.832 |
| Cộng | 146.550.000.997 | 153.290.109.607 |
| 2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ | 6 tháng đầu năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2024 |
| - Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán | 83.278.191.436 | 83.063.884.587 |
| Cộng | 83.278.191.436 | 83.063.884.587 |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | 6 tháng đầu năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2024 |
| - Lãi tiền gửi ngân hàng | 3.655.468 | 3.499.631 |
| - Lãi từ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 1.083.000 | 79.122.396 |
| Cộng | 4.738.468 | 82.622.027 |
| 4. Chi phí hoạt động tài chính | 6 tháng đầu năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2024 |
| - Chi phí lãi vay | 3.546.414.656 | 1.620.000.826 |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 644.023.259 | 671.126.968 |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 1.345.185.666 | 1.259.046.015 |
| - Chiết khấu thanh toán cho khách hàng | 2.044.095.000 | 1.063.449.000 |
| Cộng | 7.579.718.581 | 4.613.622.809 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B09a - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Đơn vị tính: đồng

| 5. Chi phí bán hàng | 6 tháng đầu năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2024 |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| - Chi phí nhân viên | 2.650.769.935 | 2.092.164.000 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 454.861.192 | 799.492.508 |
| - Hoa hồng bán hàng, khuyến mãi | 15.477.165.686 | 19.391.708.424 |
| - Chi phí vận chuyển | 1.230.238.162 | 1.800.608.155 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.476.677.651 | 4.343.797.108 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 1.333.161.619 | 2.434.393.413 |
| Cộng | 23.622.874.245 | 30.862.163.608 |
| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 6 tháng đầu năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2024 |
| - Chi phí nhân viên quản lý | 10.317.950.830 | 9.487.174.000 |
| - Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng | 507.810.050 | 671.438.499 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 53.190.000 | 714.036.739 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 14.150.136.397 | 9.150.269.024 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 3.484.136.388 | 6.794.371.373 |
| Cộng | 28.513.223.665 | 26.817.289.635 |
| 7. Thu nhập khác | 6 tháng đầu năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2024 |
| - Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định | 3.561.212.122 | - |
| - Thu nhập từ cho thuê mặt bằng | 4.946.610.000 | 1.906.750.818 |
| - Thu nhập khác | 841.802.375 | 229.001 |
| Cộng | 9.349.624.497 | 1.906.979.819 |
| 8. Chi phí khác | 6 tháng đầu năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2024 |
| - Chi phí từ cho thuê mặt bằng | 3.193.092.000 | 1.596.546.000 |
| - Chi phí phạt, chậm nộp thuế | 31.190.056 | 500.081.341 |
| - Thuế truy thu theo Quyết định của thuế | 12.248.861 | - |
| - Chi phí khác | 325.453.798 | 46.819.500 |
| Cộng | 3.561.984.715 | 2.143.446.841 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B09a - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Đơn vị tính: đồng

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | 6 tháng đầu năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2024 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 9.348.371.320 | 7.779.303.973 |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | - | - |
| Thu nhập chịu thuế ước tính | 9.348.371.320 | 7.779.303.973 |
| Chuyển lỗ năm trước | (9.348.371.320) | - |
| Thu nhập tính thuế ước tính | - | 7.779.303.973 |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| Thuế TNDN phải nộp ước tính kỳ này | - | 1.555.860.795 |

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | 6 tháng đầu năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2024 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 9.348.371.320 | 6.223.443.178 |
| Trừ: Lợi nhuận dùng trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | (1.680.329.658) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông | 9.348.371.320 | 4.543.113.520 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 16.000.000 | 16.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 584 | 284 |

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | 6 tháng đầu năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2024 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ | 132.786.219.067 | 126.878.586.679 |
| - Chi phí nhân công | 32.384.149.865 | 29.599.824.000 |
| - Chi phí khấu hao | 15.256.093.238 | 17.305.777.635 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 23.704.956.687 | 22.199.027.450 |
| - Chi phí khác | 20.802.273.743 | 30.170.007.436 |
| Cộng | 224.933.692.600 | 226.153.223.200 |

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan****a/ Các bên liên quan**

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Bảo Trí Invest | Đầu tư dài hạn |
| Công ty Cổ phần NDC An Khang | Đầu tư dài hạn |
| Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát | Thành viên quản lý chủ chốt |

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: đồng

b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát kỳ này như sau:

| Bên liên quan | Chức vụ | Thu nhập |
|--------------------------------------|--------------------------|-------------|
| <i>Lương của Ban Tổng Giám đốc</i> | | |
| Bà Nguyễn Thị Kim Lan | Tổng Giám đốc | 293.727.000 |
| Ông Nguyễn Quang Huy | Phó Tổng Giám đốc | 186.149.000 |
| Ông Trần Thiện Phúc | Phó Tổng Giám đốc | 185.475.000 |
| Bà Đỗ Thị Hải Thanh | Kế toán trưởng | 157.135.000 |
| <i>Thù lao của Hội đồng quản trị</i> | | |
| Ông Trần Tuấn Khanh | Chủ tịch HĐQT | 60.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Kim Lan | Phó Chủ tịch | 48.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa | Thành viên HĐQT | 36.000.000 |
| Ông Nguyễn Hiếu Liêm | Thành viên HĐQT | 24.000.000 |
| Ông Nguyễn Hữu Huân | Thành viên HĐQT | 36.000.000 |
| <i>Thù lao của Ban Kiểm soát</i> | | |
| Ông Đinh Tiến Cường | Trưởng ban kiểm soát | 36.000.000 |
| Bà Lê Trần Thanh Trâm | Thành viên ban kiểm soát | 18.000.000 |
| Bà Lại Thị Minh Hiền | Thành viên ban kiểm soát | 18.000.000 |

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Không có bất kỳ yếu tố nào làm ảnh hưởng tới tính hoạt động liên tục của đơn vị cần phải giải thích.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam soát xét cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B09a - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Đơn vị tính: đồng

4. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm. Báo cáo chính yếu của Công ty theo lĩnh vực kinh doanh: bộ phận kinh doanh sản phẩm dược, bộ phận kinh doanh sản phẩm vắc-xin, bộ phận hàng kinh doanh. Thông tin báo cáo bộ phận kỳ này và kỳ trước như sau:

a. Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2025

| Chỉ tiêu | Sản phẩm dược | Sản phẩm vắc-xin | Hàng kinh doanh | Tổng cộng |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu thuần | 28.946.731.129 | 59.756.425.913 | 57.846.843.955 | 146.550.000.997 |
| 2. Giá vốn hàng bán | 18.229.673.930 | 28.095.354.245 | 36.953.163.261 | 83.278.191.436 |
| 3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh | 10.717.057.199 | 31.661.071.668 | 20.893.680.694 | 63.271.809.561 |
| - Tài sản không phân bổ | | | | 807.661.444.785 |
| Tổng tài sản | | | | 807.661.444.785 |
| - Nợ phải trả không phân bổ | | | | 497.972.121.587 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 497.972.121.587 |

b. Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2024

| Chỉ tiêu | Sản phẩm dược | Sản phẩm vắc-xin | Hàng kinh doanh | Tổng cộng |
|---|----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu thuần | 23.617.197.870 | 56.661.244.905 | 73.011.666.832 | 153.290.109.607 |
| 2. Giá vốn hàng bán | 14.069.383.981 | 32.978.179.457 | 36.016.321.149 | 83.063.884.587 |
| 3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh | 9.547.813.889 | 23.683.065.448 | 36.995.345.683 | 70.226.225.020 |
| - Tài sản không phân bổ | | | | 928.688.469.864 |
| Tổng tài sản | | | | 928.688.469.864 |
| - Nợ phải trả không phân bổ | | | | 584.119.915.880 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 584.119.915.880 |

5. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

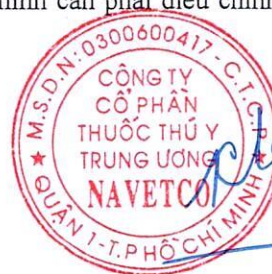


Lê Thái Bình
Người lập biểu

Ngày 13 tháng 8 năm 2025



Đỗ Thị Hải Thanh
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Kim Lan
Tổng Giám đốc